

Sinh kế hiện nay của người Hmông và người Khơ Mú tại khu vực biên giới tỉnh Nghệ An¹

Phạm Quang Linh (*)

Đặng Minh Ngọc (**)

Tóm tắt: Khu vực biên giới Việt Nam - Lào tại tỉnh Nghệ An là nơi sinh sống của nhiều dân tộc thiểu số. Tại huyện biên giới Kỳ Sơn, nơi có cửa khẩu quốc tế Nam Cấn thông thương giữa hai nước Việt Nam và Lào, dân tộc Hmông và dân tộc Khơ Mú có số lượng đông đảo nhất và nằm trong danh sách 32 dân tộc thiểu số đang còn gặp nhiều khó khăn (45,8% người Khơ Mú và 34,4% người Hmông đang thuộc diện nghèo). Thông qua việc tìm hiểu sinh kế hiện nay của hai dân tộc này, nhóm tác giả bước đầu đề xuất một số khuyến nghị, giải pháp nhằm giúp người dân Hmông và Khơ Mú nói riêng, người dân vùng biên giới huyện Kỳ Sơn nói chung có cuộc sống ổn định, phát triển, từ đó góp phần xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh của khu vực biên giới tỉnh Nghệ An.

Từ khóa: Người Hmông, Người Khơ Mú, Sinh kế, Khu vực biên giới, Tỉnh Nghệ An

Abstract: The Vietnam - Laos border area in Nghe An province is home to many ethnic minorities. In Ky Son border district, where Nam Can international border gate is located, connecting Vietnam and Laos, the Hmong and Kho Mu ethnic groups have the largest population and are two of the 32 ethnic minorities who are still facing several difficulties (45.8% and 34.4% are of the poor, respectively). The paper explores the current livelihoods of these two ethnic groups and initially proposes some recommendations and solutions for these two ethnic groups as well as local residents therein to have a stable and growing abundant life, which thereby contributes to the cause of socio-economic development associated with ensuring national defense and security in the border area of Nghe An province.

Keywords: Hmong Ethnic People, Kho Mu Ethnic People, Livelihood, Border Area, Nghe An Province

¹ Bài viết là kết quả nghiên cứu của Đề tài cấp Bộ “Sinh kế hiện nay của một số tộc người ở vùng biên giới Việt Nam - Lào tại tỉnh Nghệ An” do TS. Phạm Quang Linh chủ nhiệm, Viện Dân tộc học chủ trì, thực hiện năm 2023-2024.

(*) TS., Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Email: pqlinh.vass@gmail.com

(**) CN., Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

1. Mở đầu

Kỳ Sơn là huyện miền núi cao biên giới đặc biệt khó khăn, nằm ở phía Tây của tỉnh Nghệ An, cách thành phố Vinh 250 km. Huyện Kỳ Sơn có diện tích tự nhiên 209.484 ha, với 203,409 km đường biên giới tiếp giáp với 4 huyện, 3 tỉnh của Lào. Toàn huyện có 21 xã, thị trấn, trong đó có 11 xã biên giới. Kỳ Sơn có cửa khẩu quốc tế Nậm Cắn, là nơi giao thương, buôn bán, trao đổi hàng hóa giữa hai nước Việt Nam và Lào.

Tính đến cuối năm 2022, huyện Kỳ Sơn có 83.480 nhân khẩu, trong đó người Khơ Mú và người Hmông là hai dân tộc có dân số đông nhất với số lượng lần lượt là 30.992 nhân khẩu (37,13%) và 28.621 nhân khẩu (34,28%) (Phòng Dân tộc huyện Kỳ Sơn, 2023). Hiện nay, theo Quyết định số 1227/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 14/7/2021, người Hmông và người Khơ Mú đang nằm trong danh sách 32 dân tộc còn gặp nhiều khó khăn. Do đó, với mong muốn đóng góp vào công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội của huyện Kỳ Sơn nói riêng, đồng thời góp một phần công sức vào công cuộc đảm bảo an ninh quốc phòng khu vực biên giới giữa hai nước Việt Nam và Lào tại tỉnh Nghệ An nói chung, nhóm tác giả lựa chọn nghiên cứu về vấn đề sinh kế của người Hmông và người Khơ Mú hiện đang sinh sống trên địa bàn một số xã biên giới thuộc huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An.

2. Giới thiệu địa bàn nghiên cứu, phương pháp, phạm vi nghiên cứu

Để nghiên cứu chuyên sâu về vấn đề, nhóm tác giả lựa chọn 3 phương pháp

chính gồm phương pháp nghiên cứu tài liệu thứ cấp, phương pháp chuyên gia và phương pháp điền dã dân tộc học, trong đó điền dã dân tộc học là chủ đạo với các công cụ thảo luận nhóm (TLN), phỏng vấn sâu (PVS), quan sát ghi hình tại thực địa. Địa bàn được lựa chọn nghiên cứu là xã Nậm Cắn và xã Tà Cạ - hai xã biên giới có tỷ lệ người Hmông và người Khơ Mú chiếm số lượng lớn (Xem thêm: Bảng 1).

Tại thời điểm nhóm tác giả triển khai điền dã (tháng 8/2023), sinh kế của người

Bảng 1: Thông tin về địa bàn nghiên cứu

Xã	Bản	Dân tộc, số hộ, tỷ lệ % trong bản	Tỷ lệ nghèo trong nội bộ tộc người
Nậm Cắn	Trường Sơn	Hmông, 1.553 hộ, 99,23%	43,40%
	Khánh Thành	Khơ Mú, 425 hộ, 100%	56%
Tà Cạ	Sơn Hà	Hmông, 431 hộ, 93,35%	9,28%
	Bình Sơn 2	Khơ Mú, 487 hộ, 100%	95,48%

Nguồn: Phòng Dân tộc huyện Kỳ Sơn, 2023.

Hmông và người Khơ Mú ở địa bàn nghiên cứu chủ yếu gắn với 4 hoạt động chính là trồng trọt, chăn nuôi, buôn bán dịch vụ và đi làm cho các công ty, doanh nghiệp. Các hoạt động sinh kế khác như làm nghề thủ công truyền thống, săn bắn hái lượm, làm thuê... mặc dù vẫn được người dân triển khai nhưng đem lại nguồn thu không đáng kể. Do đó, trong phạm vi bài viết, nhóm tác giả tập trung phân tích 4 hoạt động sinh kế cốt lõi đã nêu. Bên cạnh đó, với đặc thù riêng của khu vực biên giới, người dân các tộc người cũng nhận được sự hỗ trợ rất lớn từ bộ đội biên phòng, nội dung này cũng sẽ được thông tin trong bài viết.

3. Sinh kế của người Hmông và người Khơ Mú ở huyện Kỳ Sơn hiện nay

3.1. Hoạt động trồng trọt

Theo kết quả thống kê đất đai của huyện Kỳ Sơn năm 2020, tổng diện tích đất tự nhiên của toàn huyện là 209.264,51

ha. Trong đó, diện tích đất nông nghiệp là 203.288,29 ha, chiếm 97,14% diện tích đất tự nhiên (Xem: Bảng 2).

50%), nhiều người dân, nhất là người dân sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới đang thiếu đất sản xuất, trong khi đó

Bảng 2: Hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp năm 2020

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
1	Đất nông nghiệp	NNP	203.288,29	97,14
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.603,36	0,77
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>216,20</i>	<i>0,10</i>
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	2.591,23	1,24
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.286,12	0,61
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	116.801,54	55,82
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	80.991,07	38,70
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	14,33	0,01
1.8	Đất làm muối	LMU	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,64	0,00

Nguồn: Ủy ban nhân dân huyện Kỳ Sơn, 2021.

Hiện nay, diện tích đất trồng lúa trên địa bàn huyện Kỳ Sơn chỉ là 1.603,36 ha, chiếm 0,77% diện tích đất tự nhiên của huyện. Trong đó, diện tích đất chuyên trồng lúa nước là 216,20 ha, chỉ chiếm 0,10% diện tích đất toàn huyện, gần như không đáng kể. Thực tiễn, trong quá trình điền dã, nhóm tác giả quan sát và nhận thấy hoạt động trồng lúa nước không xuất hiện ở người Hmông và người Khor Mú tại địa bàn nghiên cứu, chỉ một số rất ít hộ có hoạt động trồng lúa nương. Điều này cũng được lãnh đạo hai xã khẳng định trong các cuộc TLN, PVS: *người Hmông và người Khor Mú trên địa bàn xã hầu như không trồng lúa nước cũng như lúa nương.*

Đa phần diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn huyện Kỳ Sơn đang là rừng phòng hộ và rừng sản xuất. Tổng diện tích hai loại đất rừng kể trên chiếm tới 94,52% diện tích đất tự nhiên của huyện. Hiện nay, đa số người dân trên địa bàn huyện vẫn còn nghèo đói (tỷ lệ hộ nghèo chiếm hơn

tỉnh Nghệ An chưa có phương án tách bạch rạch ròi, giao đất giao rừng cho người dân nên huyện vẫn phải tạo điều kiện trong khả năng, cho phép người dân sử dụng đất rừng để sản xuất, tuy nhiên việc khai thác rừng tự nhiên, rừng nguyên sinh, các cây gỗ lớn bị cấm tuyệt đối.

Diện tích đất sản xuất ít ỏi, trong khi lại có độ dốc lớn, không màu mỡ nên năng suất các loại cây trồng cũng không cao. Bên cạnh đó, một số khu vực trên địa bàn huyện có khí hậu khắc nghiệt khiến năng suất, sản lượng cây hoa màu trên địa bàn đạt được thất thường. Khi được hỏi về chất lượng đất canh tác, người dân ở bản Trường Sơn cho biết: *đất ở bản rất cần, chỉ có một lớp đất mỏng ở phía trên, ở dưới rất nhiều đá nên đất đá không có liên kết với nhau. Điều này dẫn tới việc trồng trọt không đạt năng suất cao do chất đất không tốt, và khi mưa bão thì đất dễ bị sạt lở vì không có sự liên kết (PVS người Hmông ở bản Trường Sơn, xã Nậm Cắn).* Với điều kiện địa hình, thổ

những như vậy, có thể thấy, việc người dân tại xã Nậm Cắn và xã Tà Cạ đang trồng các loại cây lúa, ngô, sắn hoàn toàn theo hướng thuận tự nhiên và chăm sóc bằng sức người là điều khó tránh. Hơn nữa, bởi quá phụ thuộc vào tự nhiên nên nếu không may năm đó thời tiết khí hậu không thuận lợi thì việc năng suất sụt giảm mạnh hay mất mùa là tất yếu. *Mới đây năm 2020, khi thời tiết không may diễn biến tiêu cực, trở nên khô hạn, huyện đã mất trắng 5% diện tích trồng ngô (PVS lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Kỳ Sơn).*

Hiện nay, các loại cây trồng mà người dân trên địa bàn huyện Kỳ Sơn nói chung, hai xã Nậm Cắn, Tà Cạ nói riêng đang trồng có lúa, ngô, sắn, lạc, khoai sọ, bí đỏ, bí xanh... Đặc biệt, trong 10 năm trở lại đây, cây gừng được người dân trồng và phát triển, trở thành loại cây mang lại nguồn thu nhập cao cho người dân. Tuy nhiên, nguồn thu từ sản phẩm này cũng không ổn định: *đầu ra của sản phẩm không được ổn định, có năm người ta thu mua 30-40 nghìn/kg nhưng sau đó có năm lại tụt xuống 3-4 nghìn/kg nên người dân không yên tâm sản xuất* (TLN người Hmông ở bản Trường Sơn, xã Nậm Cắn).

Trong giai đoạn 5 năm vừa qua (2017-2022), huyện Kỳ Sơn nói chung, người Hmông và người Kơ Mú trên địa bàn huyện nói riêng cũng đã thử nghiệm nhiều mô hình trồng cây trên địa bàn huyện nhưng chưa đạt được kết quả như mong đợi, như trồng chè San tuyết, cây bo bo dưới tán rừng, tỏi Nhật Bản... Hiện nay, huyện Kỳ Sơn đang phối hợp với tập đoàn TH Truemilk để tiến hành trồng, phát triển cây dược liệu như sâm Phuxailaileng, hà thủ ô, đẳng sâm, tam thất, lan thạch hộc... tại các xã vùng cao của huyện như Nậm Cắn, với kỳ vọng những loại cây dược liệu này sẽ là “cây thoát nghèo cho người dân”.

3.2. Hoạt động chăn nuôi

3.2.1. Chăn nuôi gia súc

Trên địa bàn huyện Kỳ Sơn nói chung, đối với người Hmông và người Kơ Mú nói riêng, việc chăn nuôi trâu, bò, lợn là hoạt động thường xuyên và truyền thống. *Trong giai đoạn 10 năm trở lại đây, việc chăn nuôi trâu bò và lợn của người Hmông và người Kơ Mú ổn định, không có nhiều biến động. Mặc dù hiện nay đã có một số mô hình chăn nuôi các giống trâu bò mới nhưng chưa có mô hình nào thật sự phổ biến và lan tỏa. Đối với người Hmông và người Kơ Mú thì hoạt động chăn nuôi của người Hmông phát triển hơn, việc chăn nuôi ở người Kơ Mú vẫn còn đang gặp nhiều khó khăn* (TLN cán bộ huyện Kỳ Sơn).

Hiện nay, người Hmông và người Kơ Mú đang có mô hình chăn nuôi bò vỗ béo mang lại hiệu quả khá cao, nhất là ở một số hộ người Hmông. Người dân thường mua bò về, chăm sóc vỗ béo trong khoảng 3 tháng rồi bán. Mỗi con bò như vậy thường có lãi khoảng 1 triệu đồng. Tại bản Sơn Hà, đa số người Hmông đang chăn nuôi bò dưới hình thức này và mang lại nguồn thu nhập ổn định.

Cùng với việc nuôi bò vỗ béo, một số hộ dân ở bản Sơn Hà cũng nuôi trâu trện (trâu chọi). Những con trâu này có thể được người dân tứ xứ tới tận nơi xem và mua, hoặc người dân mang đi bán ở chợ phiên Nậm Cắn. Theo Trưởng bản Sơn Hà, *“việc bán trâu trện nếu thuận lợi có thể mang lại lợi nhuận từ 6-10 triệu đồng/con trong vòng vài tháng”* (PVS Trưởng bản Sơn Hà, xã Tà Cạ).

Hiện tại, người Hmông và người Kơ Mú trên địa bàn xã Tà Cạ và Nậm Cắn vẫn nuôi khá nhiều trâu bò, họ xem trâu bò như một dạng tài sản có giá trị và thường bán chúng khi cần tiền để lo liệu các công việc lớn như xây nhà, mua xe, khám chữa bệnh...

Mặc dù vậy, đa phần người dân vẫn nuôi theo phương thức thả rông, điều này dẫn tới hệ lụy là khi không may có bệnh dịch hoặc thời tiết biến động thất thường thì người dân không kịp xoay sở và trâu bò dễ bị chết.

3.2.2. Chăn nuôi gia cầm, thủy sản

Bên cạnh việc chăn nuôi gia súc, người dân vẫn chăn nuôi gia cầm với mục đích chủ yếu phục vụ nhu cầu thực phẩm của gia đình. Theo quan sát thực địa của nhóm tác giả, hiện nay đa phần các gia đình người Hmông và người Khơ Mú ở huyện Kỳ Sơn vẫn nuôi khoảng 10-20 con gà vịt. Trong quá trình điền dã cũng như PVS lãnh đạo xã, huyện, chúng tôi nhận thấy nhìn chung trên địa bàn huyện Kỳ Sơn hầu như không có hộ gia đình nào nuôi gà với số lượng lớn theo kiểu trang trại, mà đa phần chỉ nuôi để phục vụ nhu cầu thực phẩm của gia đình hoặc làm đồ cúng vào các dịp lễ Tết và đôi khi là bán để lấy tiền tiêu.

Ngoài ra, nuôi cá cũng là một hoạt động mang lại nguồn thu cho người Hmông và người Khơ Mú trên địa bàn huyện Kỳ Sơn. Diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2020 của huyện là 14,33 ha, chiếm 0,01% diện tích đất tự nhiên. Họ chủ yếu tận dụng các ao hồ nhỏ của các hộ gia đình để nuôi cá nhằm phục vụ nhu cầu sinh hoạt tại chỗ của người dân.

3.3. Hoạt động buôn bán, dịch vụ

Với đặc thù là một tỉnh có cửa khẩu quốc tế (Nậm Cắn) và nhiều cửa khẩu phụ, lối mở thuận lợi cho việc đi lại, trao đổi hàng hóa của người dân khu vực biên giới, trong 5 năm trở lại đây, tỉnh Nghệ An đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách nhằm mở rộng, phát triển quan hệ thương mại với các tỉnh của Lào, quy hoạch, đầu tư xây dựng một số chợ, cơ sở hạ tầng ở khu vực cửa khẩu giúp người dân khu vực biên giới thuận lợi trong giao thương, buôn bán. Các yếu tố nêu trên đã tác động tích cực đến đời sống kinh tế -

xã hội, an ninh chính trị của các tộc người trên địa bàn huyện Kỳ Sơn nói riêng, các tộc người sinh sống ở vùng biên giới của tỉnh Nghệ An nói chung, trong đó có người Hmông và người Khơ Mú. Tuy nhiên, qua quá trình PVS và quan sát thực địa, nhóm tác giả nhận thấy trong việc kinh doanh đường như người Hmông có sự nhạy bén hơn so với người Khơ Mú. Có rất ít người Khơ Mú buôn bán ở chợ Nậm Cắn, trong khi rất nhiều người Hmông buôn bán tại đây. Tại bản Trường Sơn, nhiều người dân thường xuyên buôn bán ở chợ với các mặt hàng đa dạng, từ gia cầm (gà, vịt), gia súc (trâu, bò, lợn) đến các sản phẩm thủ công (vá áo), các loại nông sản... Thậm chí, một số hộ dân người Hmông như gia đình trường bản bản Sơn Hà mặc dù nhà ở cách Nậm Cắn hơn 20 km nhưng vẫn thường xuyên mua bán trâu tại cửa khẩu.

Trong giai đoạn dịch Covid-19 diễn biến phức tạp (từ năm 2020 đến năm 2022), thực hiện những quy định phòng, chống dịch bệnh của Nhà nước, cửa khẩu Nậm Cắn dừng hoạt động, dẫn tới hoạt động giao thương, buôn bán giai đoạn này bị ngừng trệ khiến đời sống của nhiều người dân, nhất là những người phụ thuộc vào thu nhập từ buôn bán gặp nhiều khó khăn. Người dân cho biết: *khi không buôn bán được thì họ quay trở lại với việc trồng trọt, chăn nuôi trong gia đình và tự cung, tự cấp để đảm bảo cuộc sống nhằm vượt qua giai đoạn Covid-19* (TLN người dân bản Trường Sơn, xã Nậm Cắn). Tới thời điểm hiện tại, hoạt động giao thương, buôn bán đã trở lại bình thường.

3.4. Đi làm cho các công ty, doanh nghiệp

Trong khoảng 6-7 năm trở lại đây, đi làm cho các công ty, doanh nghiệp (người dân nơi đây gọi một cách dân dã là “đi làm công ty”) đang phát triển mạnh và là hoạt động sinh kế chính của nhiều người dân, đặc

biệt là người dân tộc thiểu số và cộng đồng người Khơ Mú trên địa bàn huyện Kỳ Sơn. Theo thông tin từ lãnh đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Kỳ Sơn, có khoảng 11.000 người đang đi làm cho các công ty, chiếm khoảng gần 13% tổng dân số trên địa bàn huyện, trong đó người Khơ Mú chiếm khoảng 50%, người Thái chiếm khoảng 40% và người Hmông chiếm khoảng 10%. Người Hmông đi làm cho các công ty ít hơn so với các dân tộc còn lại. Tại các bản người Hmông và người Khơ Mú mà nhóm tác giả điền dã, có khoảng 80-90% người Khơ Mú trong độ tuổi từ 15-40 hiện đang đi làm cho các công ty, trừ một số trường hợp không đi do đang có thai (lao động nữ), hoặc trong gia đình đã có chồng/vợ đang làm nên người còn lại ở nhà lo các công việc khác,... Còn đối với bản người Hmông, khoảng 50% thanh niên hiện nay đang đi làm cho các công ty. Con số này ít hơn người Khơ Mú do hiện tại vẫn có nhiều người Hmông làm kinh tế tốt ở bản.

Theo con số thống kê do cán bộ chính sách xã Tà Cạ cung cấp, hiện nay trong cộng đồng người Khơ Mú sinh sống tại xã Tà Cạ, gần như 100% thanh niên đi làm cho các công ty. Tổng số người Khơ Mú đi làm cho các công ty là hơn 600 người, chiếm khoảng 25% số người Khơ Mú trên địa bàn xã. Địa bàn đi làm cho các công ty của người dân cũng hết sức phong phú. Đối với đi làm cho các công ty ở trong nước, người dân lan tỏa đi khắp các tỉnh thành từ Bắc vào Nam với nghề nghiệp cũng rất đa dạng. Đa phần người dân làm các công việc chân tay, không yêu cầu trình độ cao như dệt may, da giày, cao su. Đây cũng là lý do tại sao các công ty chỉ tuyển người dân trong độ tuổi 15-40 tuổi và phải đảm bảo sức khỏe (có giấy chứng nhận sức khỏe do bệnh viện cấp). Đối với đi làm cho các công ty nước ngoài, số lượng này rất ít chỉ

chiếm khoảng 5% tổng số lao động đi làm cho các công ty. Một số công việc mà người Hmông và người Khơ Mú có thể làm cho các công ty ở nước ngoài là làm cao su, xây dựng ở Lào, làm tàu cá ở Đài Loan. Ngoài ra, một số rất ít người được đào tạo có thể làm điều dưỡng, giúp việc ở Nhật Bản, Malaysia, Nga, Đức...

Theo người dân tại địa bàn nghiên cứu, thu nhập từ đi làm cho các công ty nước ngoài cũng rất đa dạng, phụ thuộc vào công việc và khả năng tăng ca của người lao động. Nhìn chung, mức lương của người Hmông và người Khơ Mú tại các công ty đang đầu tư tại Việt Nam dao động trong khoảng 4-6 triệu đồng/tháng chưa bao gồm tăng ca, và đạt khoảng 8-10 triệu đồng/tháng nếu có tăng ca. Trừ các chi phí sinh hoạt cơ bản, một người lao động nếu chi tiêu tiết kiệm có thể để dành khoảng 5 triệu đồng trở lên/tháng (đối với người đã tăng ca). Đây là một mức thu nhập mơ ước đối với người dân nơi đây, nhất là trong bối cảnh họ có được công việc ổn định, thu nhập đều chứ không bấp bênh như khi trồng trọt, chăn nuôi ở quê nhà.

Hiện nay, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Kỳ Sơn cũng đang đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ người dân, nhất là người dân các dân tộc thiểu số đi làm cho các công ty thông qua các doanh nghiệp chính thống. Phòng đã giới thiệu 04 doanh nghiệp tham gia tư vấn, tuyển dụng đưa lao động đi làm việc trong nước, 07 doanh nghiệp tham gia tư vấn đi làm việc ở nước ngoài. Kết quả là, năm 2022 huyện Kỳ Sơn đã có 1.030/1000 lao động đi làm việc thông qua chính quyền địa phương giới thiệu, đạt 103% so với kế hoạch (Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Kỳ Sơn, 2022).

3.5. Hỗ trợ từ bộ đội biên phòng

Do đặc thù sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, khu vực biên

giới nên bên cạnh việc nhận được sự hỗ trợ thông qua các chính sách của Nhà nước, người Hmông và người Khơ Mú ở huyện Kỳ Sơn còn nhận được sự hỗ trợ từ bộ đội biên phòng. Cụ thể, trong 10 năm trở lại đây, quán triệt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, hệ thống các đơn vị bộ đội biên phòng nói chung, bộ đội biên phòng đóng trên địa bàn xã Nậm Cắn, Tà Cạ nói riêng đã tích cực thực hiện các chương trình phối hợp, mô hình giúp người Hmông và người Khơ Mú phát triển kinh tế. Lãnh đạo Đoàn Biên phòng Nậm Cắn cho biết, một số mô hình tiêu biểu mà bộ đội biên phòng đang triển khai ở xã Nậm Cắn và xã Tà Cạ như: “(i) Đảng viên biên phòng hỗ trợ hộ gia đình: Mỗi đảng viên bộ đội biên phòng phụ trách giúp đỡ, hỗ trợ hộ gia đình nghèo hoặc hộ gia đình thành phần có tiền án tiền sự, theo sát hướng dẫn hộ gia đình đó làm ăn, phát triển kinh tế. (ii) Nâng bước em đến trường: Nhằm giúp đỡ các em học sinh dân tộc thiểu số được đi học, giảm bớt gánh nặng kinh tế cho gia đình các em, Đoàn Biên phòng Nậm Cắn hỗ trợ các em học sinh trong độ tuổi đến trường số tiền 500 nghìn/tháng. Đồng thời, hằng năm đơn vị biên phòng cũng tặng quần áo, quà Tết cho các em. Bên cạnh đó, bộ đội biên phòng còn có một số mô hình hỗ trợ như: phát triển cây bo bo dược liệu ở bản Huổi Pốc, phát triển vườn - ao - chuồng (VAC) tại bản Noọng Dẻ, tủ thuốc biên cương cung cấp một số loại thuốc miễn phí cho người dân tộc thiểu số...” (PVS lãnh đạo Đoàn Biên phòng quốc tế Nậm Cắn).

4. Thảo luận và khuyến nghị

Dựa trên kết quả các cuộc TLN ở cả 3 cấp (thôn bản, xã, huyện), những khó khăn chính trong hoạt động sinh kế của người Hmông và người Khơ Mú sinh sống tại vùng biên giới tỉnh Nghệ An hiện nay được xác định gồm:

(i) Diện tích đất sản xuất của huyện và đất sản xuất cấp cho người dân hiện chưa đủ để người dân an cư lạc nghiệp. Sinh kế chủ yếu của người Hmông và người Khơ Mú trên địa bàn huyện vẫn dựa vào đất rừng. Mặc dù diện tích rừng của huyện còn khá nhiều nhưng không thể giao đất giao rừng cho người dân do đang gặp các trở ngại về pháp lý.

(ii) Điều kiện khí hậu, địa hình của huyện còn nhiều bất lợi. Huyện có khí hậu cận nhiệt đới lục địa, chia thành hai mùa rõ rệt với mùa khô từ tháng 4 đến tháng 10, giai đoạn này lượng mưa thấp dẫn tới những khó khăn lớn trong việc người dân tổ chức sản xuất, gieo trồng. Đồng thời, cũng bởi địa hình khó khăn nên việc sản xuất không sử dụng được các máy móc hiện đại mà chủ yếu vẫn phải dùng sức người, sức trâu bò dẫn tới năng suất thấp.

(iii) Giao thông của huyện hiện vẫn khá bất tiện, đường xá đi lại khó khăn nên ít doanh nghiệp đầu tư vào đây vì chi phí cao nhưng hiệu quả kinh tế thấp.

(iv) Kỳ Sơn là một huyện nghèo và có nhiều xã nghèo, hàng chục năm nay vẫn thường xuyên nhận được trợ giúp từ Nhà nước đối với huyện nói chung và người dân các dân tộc thiểu số nói riêng. Việc trợ giúp vô điều kiện trong một thời gian dài dẫn tới hệ lụy nhiều người dân có tâm lý ỷ lại vào sự giúp đỡ của Nhà nước (TLN cán bộ huyện Kỳ Sơn).

Dựa trên kết quả các cuộc TLN, PVS người dân, quan sát thực địa và trao đổi với chuyên gia, nhóm tác giả nhận thấy để giải quyết những khó khăn về sinh kế cho người Hmông và người Khơ Mú trên địa bàn huyện Kỳ Sơn cần có sự kết hợp giữa chính sách và thực tiễn, cần đan xen giữa các giải pháp ngắn hạn và các giải pháp trung, dài hạn. Cụ thể:

(i) Về giải pháp ngắn hạn: Huyện Kỳ Sơn cần tiếp tục triển khai việc tuyên

truyền, hướng dẫn, cử cán bộ tiếp tục cầm tay chỉ việc, đào tạo người dân thực hiện các mô hình sinh kế đang phát huy hiệu quả như nuôi lợn, nuôi bò vỗ béo, nuôi trâu nhốt chuồng, trâu chọi...

(ii) Về giải pháp trung và dài hạn:

Thứ nhất, huyện Kỳ Sơn cần tiếp tục tuyên truyền cho người dân, nhất là cần phải thay đổi tư tưởng của một bộ phận người dân (trong đó đa phần là người Khơ Mú) để họ chấm dứt việc lười suy nghĩ, lười làm, chỉ tập trung trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước.

Thứ hai, huyện cần tiếp tục kiến nghị và thường xuyên bám sát các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, của tỉnh Nghệ An để có thể sớm ban hành, triển khai các hướng dẫn về việc giao đất giao rừng cho người dân. Nếu người dân được cấp thêm đất thì đây sẽ là giải pháp lâu dài, bền vững giúp người dân có thể yên tâm ổn định cuộc sống, phát triển sản xuất.

Thứ ba, huyện cần tiếp tục triển khai các lớp đào tạo nghề nhằm nâng cao chất lượng lao động trên địa bàn huyện để lực lượng lao động hiện tại hoặc 5-10 năm tới có thể đảm nhiệm các công việc đòi hỏi trình độ chuyên môn kỹ thuật cao.

Thứ tư, huyện cần làm tốt công tác quy hoạch sử dụng đất, nhất là làm tốt công tác quy hoạch các khu công nghiệp để đón đầu làn sóng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), đồng thời cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách hiện hành để đảm bảo các ưu đãi nhằm thu hút các doanh nghiệp tới đầu tư trên địa bàn huyện.

Thứ năm, xây dựng các tuyến du lịch sinh thái, trong đó nổi bật có tuyến du lịch sinh thái cộng đồng Mường Lống - Mỹ Lý - đền Pu Nhạ Thầu - chợ biên giới.

Tính đến tháng 5/2023, tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn huyện Kỳ Sơn đang là 54,36% (9.139/16.811 hộ). Trong số hơn 9.000 hộ nghèo, người Khơ Mú chiếm tỷ lệ đông

nhất với 45,8% (4.183/9.139 hộ), tiếp theo là người Hmông chiếm 34,4% (3.141/9.139 hộ) (Phòng Dân tộc huyện Kỳ Sơn, 2023). Qua các con số trên có thể thấy, hiện nay cuộc sống của người Hmông và người Khơ Mú trên địa bàn huyện Kỳ Sơn vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức, con đường phía trước để giải bài toán thoát nghèo cho người Hmông và người Khơ Mú trên địa bàn huyện vẫn còn rất chông gai và nhiều việc phải làm □

Tài liệu tham khảo

1. Phòng Dân tộc huyện Kỳ Sơn (2023), *Biểu tổng hợp nhân khẩu theo thành phần dân tộc tính đến tháng 5/2023*.
2. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Kỳ Sơn (2022), *Báo cáo kết quả thực hiện thuộc lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội năm 2022 và kế hoạch năm 2023*.
3. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Kỳ Sơn (2022), *Báo cáo tổng kết ngành nông nghiệp năm 2022, phương hướng nhiệm vụ năm 2023*.
4. Ủy ban nhân dân huyện Kỳ Sơn (2021), *Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2023, kế hoạch sử dụng đất năm đầu huyện Kỳ Sơn*.
5. Ủy ban nhân dân huyện Kỳ Sơn (2023), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và thành phần Đoàn đại biểu người có uy tín trong đồng bào dân tộc huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An*, Báo cáo Văn phòng Chủ tịch nước, tháng 4.
6. Ủy ban nhân dân xã Nậm Cắn (2023), *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh năm 2021, phương hướng nhiệm vụ năm 2022*.
7. Ủy ban nhân dân xã Tà Cạ (2023), *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh năm 2021, phương hướng nhiệm vụ năm 2022*.